Post: Contact:
Air Navigation Department
119 Nguyen Son Str.,
Bo De Ward,
Ha Noi, Viet Nam
Tel: +84 24 38274191
Fax: +84 24 38274194
E-mail: and@caa.gov.vn
Web: http://caa.gov.vn

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM

AIRAC
AIP SUP
59/26
Có hiệu lực từ
Effective from
26 NOV 2026
Được xuất bản vào
Published on
29 OCT 2026

THIẾT LẬP SƠ ĐỒ PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN ILS ĐƯỜNG CHC 10L VÀ TIÊU CHUẨN KHAI THÁC TỐI THIỂU TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ PHÚ QUỐC (VVPQ)

1 GIỚI THIỆU

Tập bổ sung AIP theo chu kỳ AIRAC này nhằm thông báo về việc thiết lập các sơ đồ phương thức tiếp cận ILS đường CHC 10L và tiêu chuẩn khai thác tối thiểu tại Cảng HKQT Phú Quốc (VVPQ).

Thời gian áp dụng: Từ 0000 ngày 26/11/2026.

2 CHI TIẾT

2.1 Thiết lập các sơ đồ phương thức tiếp cận ILS đường CHC 10L

a) Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: ILS Y đường CHC 10L

Chi tiết xem tại trang 3.

– Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: ILS Y Đường CHC 10L (Bảng mã hóa phương thức)

Chi tiết xem tại trang 4.

b) Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: ILS Z đường CHC 10L

Chi tiết xem tại trang 5.

2.2 Tiêu chuẩn khai thác tối thiểu cho phương thức tiếp cận ILS đường CHC 10L

Chi tiết xem tại trang 2.

3 HIỆU LỰC

Tập bổ sung AIP theo chu kỳ AIRAC này sẽ có hiệu lực từ 0000 ngày 26/11/2026.

4 HUỶ BỎ

Tập bổ sung AIP theo chu kỳ AIRAC này sẽ còn hiệu lực cho đến khi nội dung được đưa vào AIP Việt Nam.

- HẾT -

ESTABLISHMENT OF ILS APPROACH PROCEDURE CHART RWY 10L AND AD OPERATING MINIMA AT PHU QUOC INTERNATIONAL AIRPORT (VVPQ)

1 INTRODUCTION

This AIRAC AIP Supplement issues notification of the establishment of ILS approach procedure charts RWY 10L and AD Operating Minima at Phu Quoc International Airport (VVPQ).

Applicable time: From 0000 on 26 NOV 2026.

2 DETAILS

2.1 Establishment of ILS approach procedure charts RWY 10L

a) Instrument Approach Chart – ICAO: ILS Y RWY 10L

See page 3 for details.

– Instrument Approach Chart – ICAO: ILS Y RWY 10L (Tabular-description)

See page 4 for details.

b) Instrument Approach Chart – ICAO: ILS Z RWY 10L

See page 5 for details.

2.2 AD Operating Minima for ILS approach procedure RWY 10L

See page 2 for details.

3 EFFECTIVE

This AIRAC AIP Supplement shall become effective from 0000 on 26 NOV 2026.

4 CANCELLATION

This AIRAC AIP Supplement shall remain in force until its content has been incorporated into the Viet Nam AIP.

- END -

LANDING MINIMA

ILS/DME approach procedures

Procedures	ACFT CAT	DA/MDA (FT)	With APCH LGT serviceable		With APCH LGT unserviceable	
			RVR (M)	VIS (M)	RVR (M)	VIS (M)
ILS Z RWY 10L	A, B, C, D	670	-	2 300	-	2 400
ILS Z GP INOP RWY 10L	A, B, C, D	670	-	2 300	-	2 400
ILS Y RWY 10L	A, B, C, D	670	-	2 300	-	2 400
ILS Y GP INOP RWY 10L	A, B, C, D	790	-	2 400	-	2 400

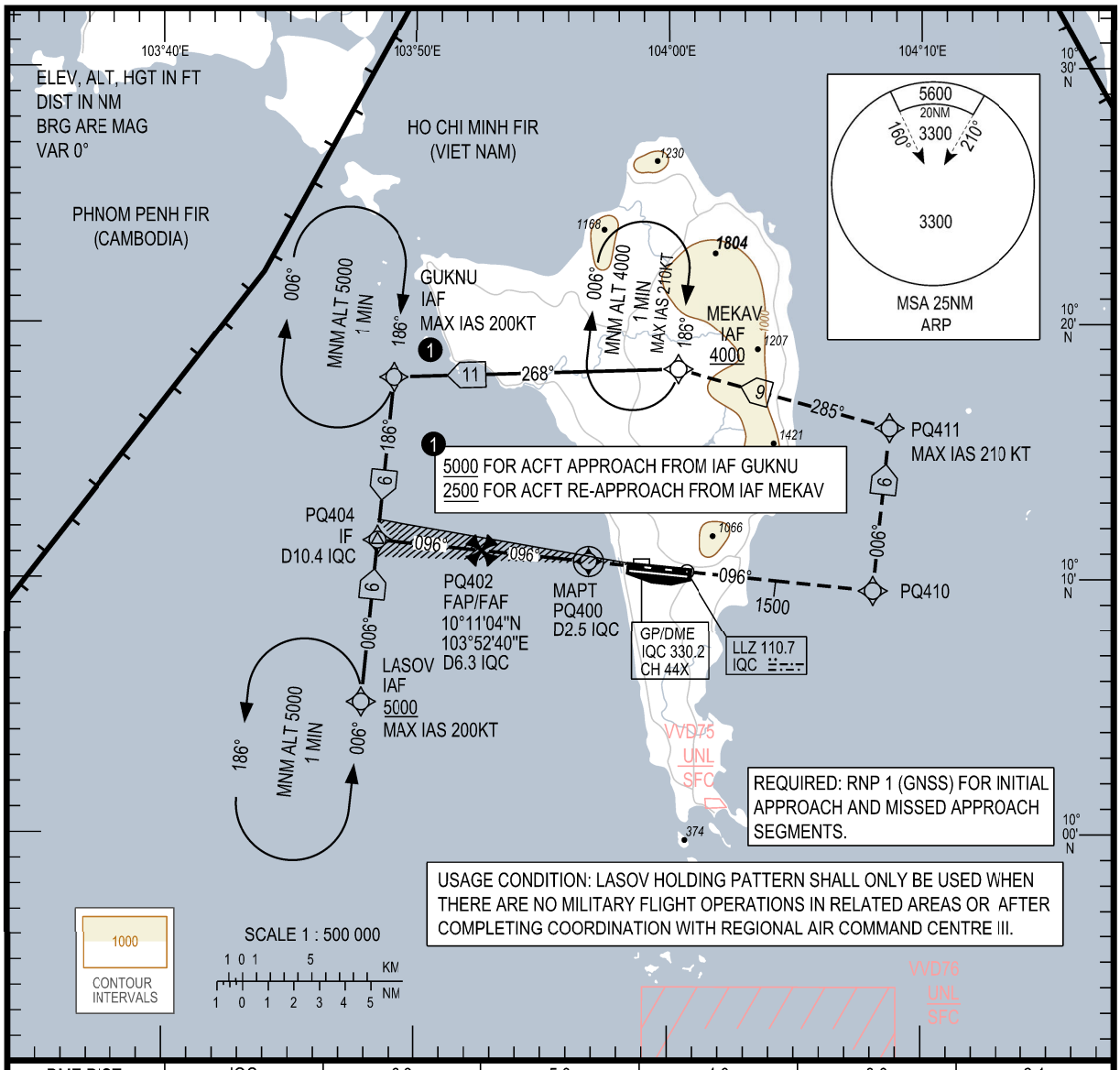
Note: Use VIS values only when RVR values are not available.

INSTRUMENT APPROACH CHART - ICAO

AERODROME ELEV 27 FT
HEIGHTS RELATED TO
THR RWY 10L - ELEV 16 FT

APP: 120.375 PRI
119.575 SRY
TWR: 118.6 PRI
118.725 SRY

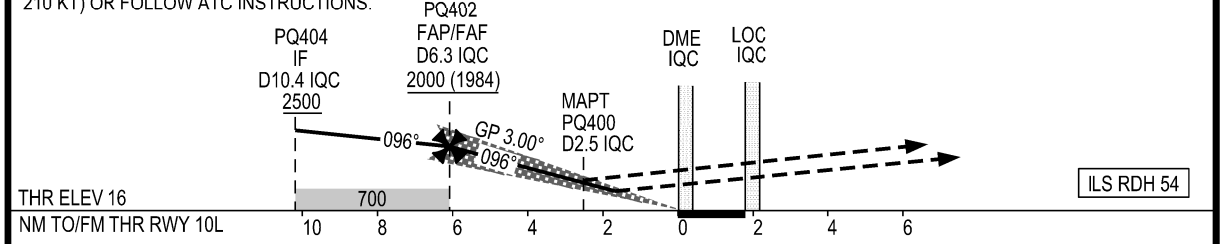
AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)
ILS Y RWY 10L



DME DIST	IQC	6.3	5.0	4.0	3.0	2.1
ALT		2000	1600	1290	970	670

MISSED APPROACH:
MAINTAIN FINAL APPROACH TRACK CLIMB TO 1500 FT, PROCEED DIRECT TO PQ410, THEN TO PQ411 (MAX IAS 210 KT), MEKAV AT 4000FT. JOIN HOLDING PATTERN (MAX IAS 210 KT) OR FOLLOW ATC INSTRUCTIONS.

TRANSITION ALTITUDE 9000



OCA (H)		A	B	C	D
STRAIGHT-IN APPROACH	CAT I	670 (654)			
	GP INOP	790 (774)			
CIRCLING		NOT APPLICABLE			

GS	KT	80	100	120	140	160	180
RATE OF DESCENT 3.0°	FT/MIN	420	530	640	740	850	960

SEE TABULAR DESCRIPTION ON THE NEXT PAGE.

CHANGE: NEW CHART.

1. TABULAR DESCRIPTION

Serial number	Path Descriptor	Waypoint Identifier	Fly-over	Course °M(°T)	Magnetic Variation	Distance (NM)	Turn Direction	Altitude (FT)	Speed limit (KT)	VPA/ TCH	Nav Spec
INITIAL APPROACH FROM GUKNU											
010	IF	GUKNU	–	–	0	–	–	+5000	-200	–	RNP 1
020	TF	PQ404	–	186(185.7)	0	6.36	–	+2500	–	–	RNP 1
INITIAL APPROACH FROM LASOV											
010	IF	LASOV	–	–	0	–	–	+5000	-200	–	RNP 1
020	TF	PQ404	–	006(005.7)	0	6.36	–	+2500	–	–	RNP 1
INITIAL APPROACH FROM MEKAV											
010	IF	MEKAV	–	–	0	–	–	+4000	–	–	RNP 1
020	TF	GUKNU	–	268(268.3)	0	11.09	–	–	-200		RNP 1
030	TF	PQ404	–	186(185.7)	0	6.36	–	+2500	–	–	RNP 1
MISSED APPROACH											
010	CA	–	–	096(095.7)	0	–	–	+1500	–	–	RNP 1
020	DF	PQ410	–	–	0	–	–	–	–	–	RNP 1
030	TF	PQ411	–	006(005.8)	0	6.36	–	–	-210	–	RNP 1
050	TF	MEKAV	–	285(285.4)	0	8.56	–	@4000	–	–	RNP 1
060	HM	MEKAV	–	186(186.2)	0	–	R	+4000	-210	–	RNP 1

2. HOLDING PROCEDURES

Holding Fix	Inbound Course °M(°T)	Magnetic Variation	Time (min)	Turn Direction	Altitude (FT)	Speed (KT)	Nav Spec
GUKNU	186(185.7)	0	1 ≤ FL140 1.5 > FL140	R	+5000	-230 ≤ FL140 -240 > FL140	RNP 1
LASOV	006(005.7)	0	1 ≤ FL140 1.5 > FL140	L	+5000	-230 ≤ FL140 -240 > FL140	RNP 1
MEKAV	186(186.2)	0	1 ≤ FL140 1.5 > FL140	R	+4000	-210	RNP 1

3. WAYPOINT LIST

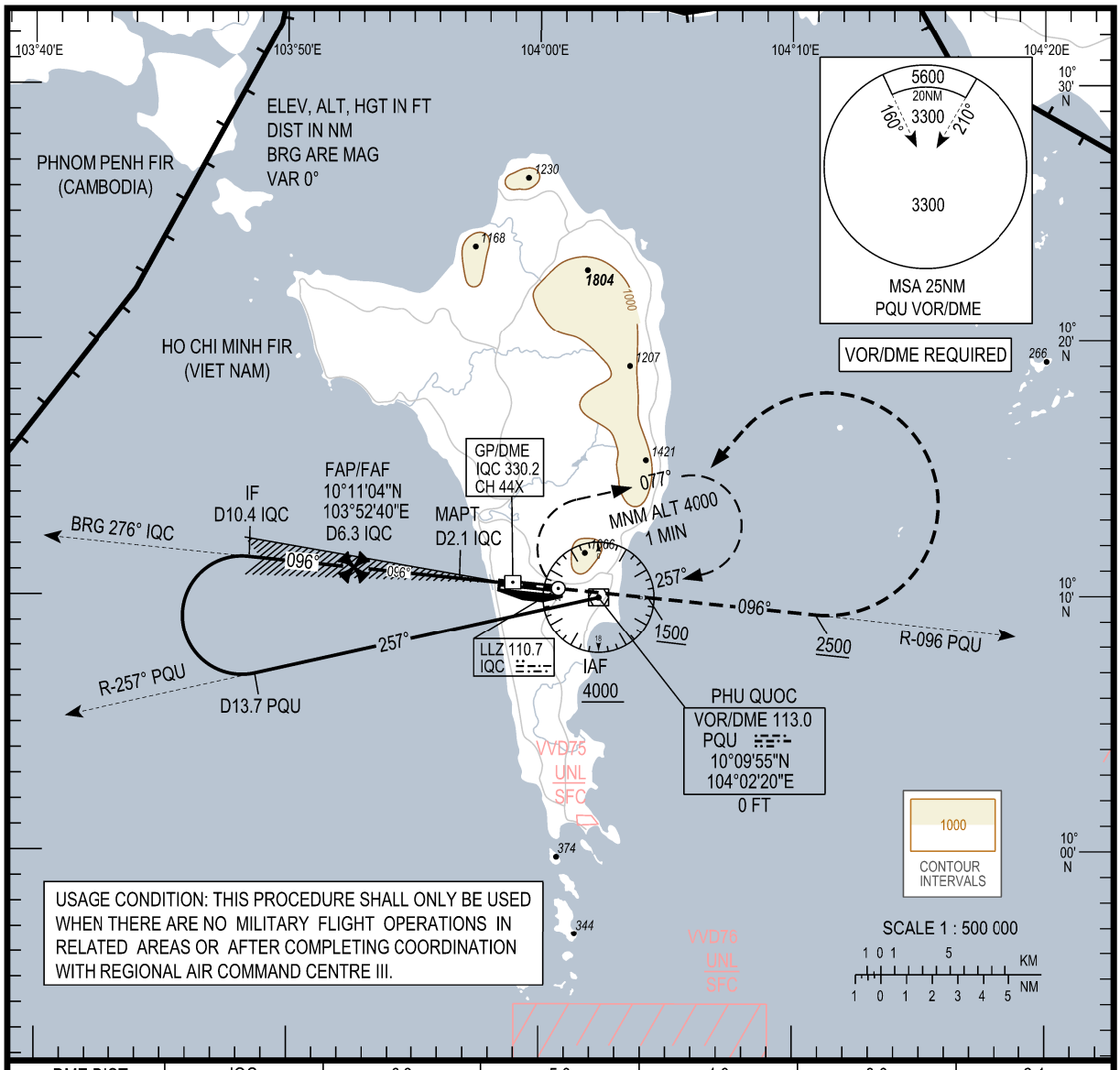
WPT ID	COORDINATES (WGS-84)	
GUKNU	10°17'50.3"N	103°49'08.7"E
LASOV	10°05'07.5"N	103°47'52.0"E
MEKAV	10°18'10.8"N	104°00'23.4"E
PQ400 BRG 275.71° IQC LOC/D2.46 IQC DME (MAPT)	10°10'41.6"N	103°56'29.0"E
PQ402 BRG 275.73° IQC LOC/D6.25 IQC DME (FAP/FAF)	10°11'04.4"N	103°52'39.6"E
PQ404 BRG 275.72° IQC LOC/D10.35 IQC DME (IF)	10°11'28.9"N	103°48'30.3"E
PQ410	10°09'32.4"N	104°08'06.6"E
PQ411	10°15'53.8"N	104°08'45.4"E
RW10L	10°10'27.95"N	103°58'47.24"E
IQC GP/DME	10°10'30.6"N	103°58'58.4"E
IQC LLZ	10°10'16.2"N	104°00'45.6"E

INSTRUMENT APPROACH CHART - ICAO

AERODROME ELEV 27 FT
HEIGHTS RELATED TO
THR RWY 10L - ELEV 16 FT

APP: 120.375	PRI
119.575	SRY
TWR: 118.6	PRI
118.725	SRY

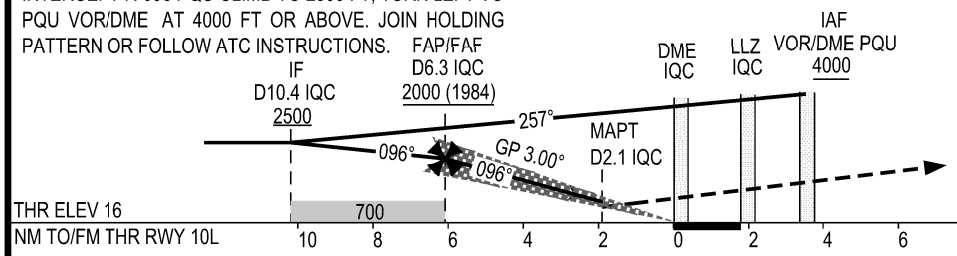
AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)
ILS Z RWY 10L



DME DIST	IQC	6.3	5.0	4.0	3.0	2.1
ALT		2000	1600	1290	970	670

MISSED APPROACH:
MAINTAIN FINAL APPROACH TRACK CLIMB TO 1500 FT, INTERCEPT R-096 PQU CLIMB TO 2500 FT, TURN LEFT TO PQU VOR/DME AT 4000 FT OR ABOVE. JOIN HOLDING PATTERN OR FOLLOW ATC INSTRUCTIONS.

TRANSITION ALTITUDE 9000



OCA (H)		A	B	C	D
STRAIGHT-IN APPROACH	CAT I	670 (654)			
	GP INOP	670 (654)			
CIRCLING		NOT APPLICABLE			

GS	KT	80	100	120	140	160	180
FAF-MAPT 4.2 NM	MIN:SEC	3:08	2:30	2:05	1:47	1:34	1:24
RATE OF DESCENT 3.00°	FT/MIN	420	530	640	740	850	960

CHANGE: NEW CHART.